

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẮC GIANG

Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

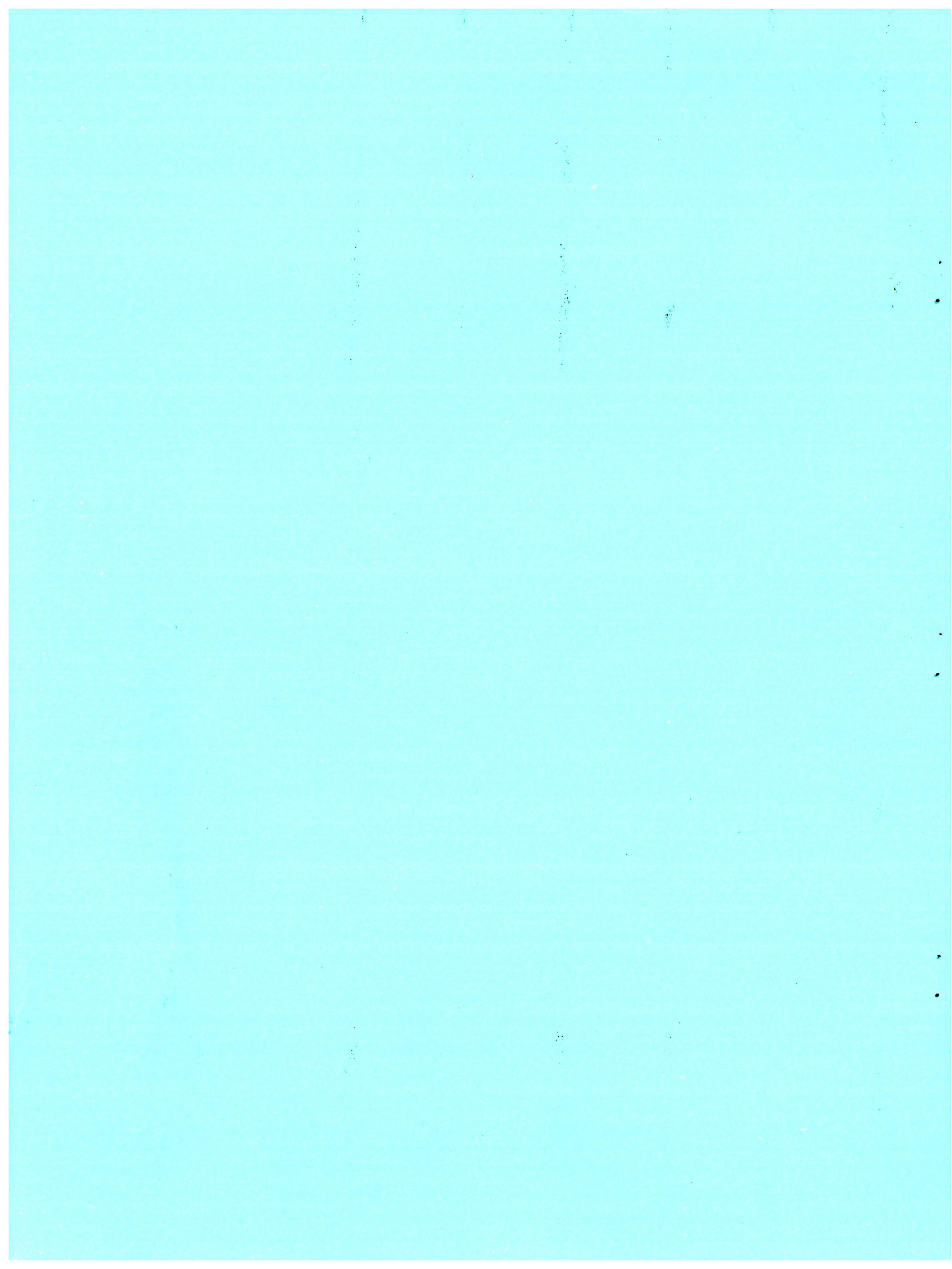
ĐẾN	Số:.....
	Ngày: 13/11/2025
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

HỒ SƠ

ĐĂNG KÝ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

“Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm Mặt Nha khoa Hùng Cường”

Bắc Ninh – 2025



PHÒNG KHÁM CHUYÊN
MẬT NHA KHOA HÙNG CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/NK-HC

Bắc Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2025

V/v đăng ký môi trường cho dự án

“Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm
Mặt Nha khoa Hùng Cường”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Phường Bắc Giang

Chúng tôi là: Hộ kinh doanh Nha khoa Hùng Cường BG chủ đầu tư Dự án “Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm Mặt Nha khoa Hùng Cường” thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ của: Số 460, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số : 024084009316 Do UBND Phường Bắc Giang cấp ngày 23/09/2025

- Người đại diện theo pháp luật: (Ông) Trần Văn Cường

- Điện thoại: 00988004888.

Hộ kinh doanh Nha khoa Hùng Cường BG đăng ký môi trường cho Dự án “Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm Mặt Nha khoa Hùng Cường” với các nội dung sau:

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

- Tên dự án đầu tư: Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm Mặt Nha khoa Hùng Cường

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Số 460, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh

- Tổng mức đầu tư: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

Nguồn vốn đầu tư: Hộ kinh doanh Nha khoa Hùng Cường BG

- Tiến độ thực hiện của dự án:

+ Hoàn thiện thủ tục hồ sơ môi trường, PCCC, Phòng khám: Từ tháng 6/2025 đến tháng 7/2025.

+ Hoàn thành dự án và đi vào hoạt động: Tháng 06/8/2025.

- Quy mô, công suất, công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư:

Quy mô, công suất dự án:

+ Quy mô: Diện tích đất sử dụng: 230m².

+ Công suất: Cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh với công suất 30 lượt khám/ngày

+ Loại hình: Cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh với công suất 30 lượt khám/ngày

Quy trình khám bệnh của phòng khám

Bước 1: Bệnh nhân đăng ký mua sổ khám lấy số thứ tự tại bàn tiếp đón, nhân viên tiếp đón sẽ nhập thông tin cá nhân của bệnh nhân vào hệ thống máy tính và số thứ tự khám sẽ được tự động hiện vào máy tính của bác sỹ theo thứ tự khám.

Bước 2: Bệnh nhân ngồi vào ghế chờ tại cửa phòng khám đã được chỉ định, chờ nhân viên y tế gọi vào khám bệnh theo thứ tự.

Bước 3: Bác sỹ khám bệnh: Chỉ định cận lâm sàng hoặc đưa ra hướng xử trí (kê đơn, cho về, chỉ định nhập viện).

Bước 4: Trả kết quả và đưa ra hướng xử lý

+ Nếu bệnh nhân được chỉ định cận lâm sàng (xét nghiệm, siêu âm, X-Quang...):

- Làm thủ tục, nộp tiền cùng chi trả tại quầy thanh toán.
- Đến phòng lấy mẫu xét nghiệm, chụp X-Quang, phòng siêu âm... theo biển chỉ dẫn.
- Ngồi ghế chờ tại cửa phòng để nhân viên y tế gọi lần lượt khám và trả kết quả
- Sau khi nhận được kết quả, bệnh nhân quay lại phòng khám ban đầu để được chỉ định kê đơn thuốc, ra về hoặc chỉ định nhập viện.

+ Nếu bệnh nhân được chỉ định kê đơn, cho về:

- Làm thủ tục, nộp tiền cùng chi trả tại quầy thanh toán
- Lĩnh thuốc tại quầy thuốc và ra về.

+ Nếu bệnh nhân phải nhập viện:

- Bác sỹ hướng dẫn bệnh nhân ra viện chuyên khoa để tiếp nhận các liệu pháp điều trị chuyên sâu.
- Làm thủ tục, nộp tiền cùng chi trả tại quầy thanh toán.

2. NGUYÊN, NHIÊN LIỆU, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

2.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

Dự án tiến hành xây dựng và lắp đặt thêm máy móc thiết bị theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Bộ Y tế bảo đảm chủng loại và chất lượng theo công bố.

2.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước giai đoạn vận hành:

2.2.1. Nguyên liệu, vật liệu:

Khi phòng khám đi vào hoạt động, nhu cầu hoá chất, vật tư tiêu hao ước tính cụ thể như sau:

Bảng 1. Nhu cầu nguyên vật liệu của dự án trong 1 năm

STT	Tên	Đơn vị	Số lượng
1	Bông, gạc	kg	120
2	Găng tay y tế	kg	230
3	Thuốc chữa bệnh các loại	kg	50
4	Hoá chất xét nghiệm	lit	5
5	Bơm, kim tiêm	kg	95
6	Dịch truyền	chai	100
7	Film in ảnh	Tấm	70
8	giấy vệ sinh	kg	40
9	ống xét nghiệm	kg	24

[Nguồn: Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm Mặt Nha khoa Hùng Cường]

Bảng 2. Danh mục máy móc thiết bị giai đoạn dự án đi vào vận hành

STT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng
	HỆ THỐNG VÔ KHUẨN MELAG			
1	Máy rửa dụng cụ Mela	Đức	2020	01
2	Máy hấp sấy tiệt trùng Vacuklav 41B+	Đức	2019	01
3	Máy trung cất nước Mela A dest 65	Đức	2020	01
4	Máy ép đóng gói dụng cụ vô trùng Mela 100+	Đức	2020	01
5	Máy in Mela Aprint 60	Trung Quốc	2020	01
6	Máy dung rửa dụng cụ	Trung Quốc	2018	01
7	Tủ bảo quản dụng cụ	Trung Quốc	2020	01
	ĐIỀU TRỊ RĂNG			
1	Máy ghế răng	Hàn Quốc	2022	15
2	Máy ghế răng	Hàn Quốc	2020	11
3	Máy ghế răng	Hàn Quốc	2019	05
4	Máy lấy cao răng	Hàn Quốc	2018	07
5	Máy lấy cao răng	Hàn Quốc	2020	05
6	Máy lấy cao răng	Hàn Quốc	2021	01
7	Đèn tẩy trắng răng Whitening light	Hàn Quốc	2017	01
8	Máy X Quang cầm tay KTS	Hàn Quốc	2016	01
9	Máy phẫu thuật xương	European Union	2019	01
10	Máy OSS tem (máy cấy Implant)	Hàn Quốc		01
11	Máy C-SaiLo(máy cấy Implant)	Hàn Quốc		01

12	Máy X-Nav (technologies)-Định vị Implant	Mỹ	2020	01
13	Máy Picassoliteplus dental diode Laze	Mỹ	2019	01
14	Máy Prf Process		2019	01
15	Bộ đồ khám	Pakistan	2020	50
16	Bộ đo huyết áp cơ	Nhật Bản	2020	10
17	Hộ chống sốc			15
18	Nhiệt kế			10
19	Giường khám bệnh	Việt Nam	2020	01

[Nguồn: Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm Mặt Nha khoa Hùng Cường]

2.2.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước:

a. Nhu cầu sử dụng điện:

- Nguồn cung cấp điện trong giai đoạn này được lấy từ lưới điện khu vực. Nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn vận hành chủ yếu phục vụ cho hoạt động của máy móc y tế, điện thắp sáng,... ước tính lượng điện sử dụng khoảng 15.000kWh/tháng.

b. Nhu cầu sử dụng nước:

- Nước sử dụng cho phòng khám được cung cấp bởi công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang.

* Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt:

- Số lượng các y, bác sĩ, nhân viên dự kiến làm việc tại phòng khám là 15 người. Với lượng nước cấp là 80lit/người/ngày (theo TCXDVN 33:2006-Cấp nước-mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế) thì nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên ước tính khoảng 1,2m³/ngày đêm.

- Số lượt khách hàng tới khám chữa bệnh khoảng 30 người/ngày, khách hàng chỉ đến khám bệnh thông thường, không lưu trú tại phòng khám. Theo TCVN 4513:1988-cấp nước bên trong-tiêu chuẩn thiết kế thì lượng nước sử dụng cho 1 khách hàng là 15lit/người/ngày. Tổng nhu cầu cấp nước cho khách hàng tới phòng khám khoảng 0,5m³/ngày đêm

Tổng nhu cầu sử dụng nước dùng cho sinh hoạt ước tính khoảng 1,65m³/ngày đêm.

* Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động khám chữa bệnh:

Nước cấp cho hoạt động khám chữa bệnh chỉ phát sinh từ phẫu thuật, thau rửa, hoạt động rửa dụng cụ, thiết bị y tế, chuẩn đoán. Ước tính lượng nước sử dụng cho hoạt động khám chữa bệnh khoảng 30lit/ngày đêm. Toàn bộ lượng nước này sẽ được chủ dự án tiến hành thu gom và đem đi xử lý cùng với các loại chất thải nguy hại.

3. LOẠI, KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI PHÁT SINH CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

3.1. Loại, khối lượng chất thải phát sinh giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

Dự án tiến hành xây dựng và lắp đặt thêm máy móc thiết bị theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Bộ Y tế bảo đảm chủng loại và chất lượng theo công bố. Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án cơ bản không phát sinh chất thải.

3.2. Loại, khối lượng chất thải phát sinh giai đoạn vận hành:

3.2.1. Loại, khối lượng nước thải dự kiến phát sinh

❖ Nguồn phát sinh:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của y bác sĩ, nhân viên làm việc tại phòng khám và khách hàng.
- Nước thải y tế từ hoạt động rửa dụng cụ, thiết bị y tế, chuẩn đoán
- Nước mưa chảy tràn.

❖ Đánh giá tác động

* *Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án và khách hàng:*

Tổng lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt tại dự án trong giai đoạn vận hành đạt khoảng 1,65m³/ngày đêm. Căn cứ theo nghị định 80:2014/NĐ-CP thì lượng nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp. Như vậy, tổng lượng nước thải phát sinh hàng ngày tại dự án khoảng 1,65m³/ngày đêm.

Đặc trưng của nước thải sinh hoạt là chứa một lượng lớn các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD₅) và các vi khuẩn. Nếu như lượng nước thải này không được thu gom, xử lý mà thải trực tiếp ra ngoài môi trường thì sẽ gây ô nhiễm môi

trường xung quanh, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực tiếp nhận cũng như sức khỏe của người dân.

Theo thống kê tính toán của Tổ chức Y tế thế giới, khối lượng chất ô nhiễm của mỗi người hàng ngày thải vào môi trường, dự báo tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án như sau:

Bảng 3. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn hoạt động

Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người/ngày)	Tải lượng (kg/ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
BOD ₅	45-54	6,79-8,15	565-650	50 mg/l
COD	72-102	10,87-15,4	698-954	-
Chất rắn lơ lửng	70-145	10,57-21,89	734-1150	100mg/l
Tổng Nitơ	6-12	0,906-1,82	68-221	40mg/l
Amoni	2,4-4,8	0,36-0,72	21-42	10 mg/l
Tổng Photpho	0,4-0,8	0,06-0,12	4,1-7,8	-
Coliform	10 ⁶ -10 ⁹ MPN/100ml			5.000MPN/100ml

Theo đó, khi nước thải không được xử lý thì nồng độ các chất ô nhiễm vượt rất nhiều lần so với QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) gây tác động xấu tới nguồn tiếp nhận.

** Nước thải y tế từ hoạt động rửa dụng cụ, thiết bị y tế, chuẩn đoán và rửa tay chân của CBCNV.*

Nhu cầu sử dụng nước dùng cho hoạt động rửa dụng cụ, thiết bị y tế khoảng 30lit/ngày. Lượng nước thải y tế bằng 100% lượng nước cấp, như vậy nước thải y tế phát sinh khoảng 30lit/ngày đêm.

Đặc thù của nước thải rửa dụng cụ y tế, chuẩn đoán, rửa tay của y bác sỹ: chứa các yếu tố ô nhiễm thông thường như chất hữu cơ, vi khuẩn, ngoài ra, còn có những chất bản khoáng và hữu cơ đặc thù như các chất khử trùng và các chất tẩy rửa (chất hoạt động về mặt),...

Chủ dự án thuê đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý toàn bộ lượng nước thải từ quá trình rửa dụng cụ cùng với các chất thải nguy hại khác.

** Nước mưa chảy tràn:*

Thành phần nước mưa trong giai đoạn dự án đi vào vận hành là tương đối sạch và chỉ chứa một lượng nhỏ chủ yếu là các tạp chất vô cơ khó tan, có kích thước lớn như: bụi đường, bụi trên mái nhà, các loại rác vô cơ như cặn, lá rế cây,...

Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) thì thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thông thường chứa: 0,5-1,5mgN/l; 0,004-0,003mgP/l; 10-20mgCOD/l và 10-20mgTSS/l. Các giá trị này đều rất nhỏ, do vậy nước mưa chảy tràn sẽ không gây ô nhiễm nguồn nước các khu vực xung quanh cơ sở.

Mặc dù không gây ô nhiễm nguồn nước nhưng với những trận mưa có cường độ lớn, nước mưa chảy tràn qua dự án có khả năng gây ngập úng. Tuy nhiên, do hệ thống rãnh thoát nước đã được xây dựng đồng bộ hóa để thu gom và thoát nước cho toàn bộ khu vực dự án nên khả năng gây ngập úng các khu vực xung quanh trong những ngày mưa lớn được dự báo là không xảy ra.

3.2.2. Nguồn và lưu lượng khí thải dự kiến phát sinh:

❖ Nguồn phát sinh:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Mùi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải

❖ Đánh giá tác động:

** Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án:*

Hàng ngày các phương tiện giao thông, vận tải lưu thông ra vào khu vực dự án gồm: Xe ô tô, xe gắn máy, xe chở nguyên liệu, sản phẩm, hàng hóa lưu thông ra vào khu vực cơ sở. Các phương tiện vận tải sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng và dầu diezen sẽ thải vào không khí một lượng lớn khói thải chứa các chất ô nhiễm

như bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC.... Tuy nhiên, sân đường trước dự án đều được bê tông hoá, các phương tiện không được di chuyển trong khu vực dự án do vậy tác động được đánh giá là nhỏ.

** Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh:*

Trong hoạt động khám chữa bệnh tại dự án sẽ phát sinh mùi và khí thải từ các nguồn sau:

+ Mùi và các chất hữu cơ bay hơi như: Aceton, este, phenol, benzen,... sẽ phát sinh từ quá trình khám bệnh, lưu giữ bệnh phẩm, xét nghiệm, khử trùng, lưu giữ hoá chất xét nghiệm và các công tác khác. Đây là mùi đặc trưng và mang tính thường xuyên do các hoạt động khám chữa bệnh luôn sử dụng các loại hoá chất này. Tuy nhiên, mức độ phát tán chỉ trong phạm vi khu vực dự án nên không tác động nhiều đến môi trường và sức khoẻ cộng đồng xung quanh.

+ Khí thải phát sinh từ phòng xét nghiệm có chứa vi khuẩn có khả năng lan truyền bệnh.

+ Mùi hoá chất từ các phòng xét nghiệm, khu vực chứa dược phẩm và thuốc khử trùng,...

Phòng khám được trang bị các máy móc, thiết bị y tế tiên tiến nên khả năng gây nên các hiện tượng rò rỉ các khí độc hại nói trên ít xảy ra, tuy nhiên, Chủ dự án sẽ thực hiện nghiêm ngặt các nội quy, quy chế nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động của bụi và khí thải.

** Mùi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải:*

Mùi phát sinh từ sự phân huỷ các chất hữu cơ trong chất thải rắn sinh hoạt tại khu tập kết chất thải rắn.

Ô nhiễm mùi không chỉ gây mất mỹ quan môi trường mà còn gây nên cảm giác khó chịu cho công nhân viên trong khu vực dự án. Thành phần chất gây ô nhiễm gồm CH₄, NH₃, H₂S. Do đó, chủ dự án phải có biện pháp thu gom chất thải kịp thời và xử lý theo đúng quy định.

3.2.3. Loại và khối lượng chất thải y tế thông thường dự kiến phát sinh:

Dự án đi vào hoạt động dự kiến lượng chất thải y tế thông thường phát sinh gồm: Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên và khách hàng, chất thải rắn y tế thông thường phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh tại dự

án. Thành phần và khối lượng chất thải cụ thể như sau:

STT	Loại chất thải	Khối lượng(kg/ngày)
1	Thức ăn thừa, vỏ hoa quả	1
2	Hộp đựng thức ăn, bìa carton, vỏ chai,...	0,5
3	Các mảnh kính vỡ. Lọ thủy tinh vỡ không chứa các hoá chất độc hại, vỏ bao thuốc	3kg/tháng
4	Dây dịch chuyên không dính máu, dính dịch cơ thể người	1kg/tháng
5	Chai nhựa, đồ nhựa, túi nilon, giấy bóng, can nhựa không chứa chất lây nhiễm, chất hoá học độc hại,...	4kg/tháng

Lượng chất thải y tế thông thường phát sinh khi Dự án hoạt động nếu không được thu gom, xử lý sẽ phát tán ra môi trường hoặc phân hủy tạo mùi khó chịu cùng các vi sinh vật gây hại tới sức khỏe của con người. Đối tượng chịu tác động là tất cả các bác sĩ, điều dưỡng, hộ lý và các nhân viên của bệnh viện; bệnh nhân tới khám bệnh,... đều có thể bị ảnh hưởng từ nguồn rác thải do hậu quả của những sai sót trong các quản lý rác, thu gom và xử lý chất thải.

3.2.4. Loại và khối lượng chất thải y tế nguy hại

Bảng 4. Loại và khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh của dự án

STT	Phân loại	Khối lượng/tháng	Đơn vị tính	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Kim tiêm, bơm liên kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò,...	0,5	Kg/tháng	13 01 01	NH
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm	1	Kg/tháng		

STT	Phân loại	Khối lượng/tháng	Đơn vị tính	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
	bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thắm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh				
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ từ các phòng xét nghiệm	1	Kg/tháng		
4	Nước rửa dụng cụ y tế	60	Kg/tháng	13 01 02	KS
5	Chất hàn răng amalgam thải	0,2	Kg/tháng	13 01 04	NH
6	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân	0,1	Kg/năm	13 03 02	NH
7	Mực in thải từ các máy in	4	Kg/năm	08 02 06	TT
8	Hộp mực in thải	1	Kg/năm	08 02 08	TT
9	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	2	Kg/tháng	18 01 01	KS
10	Bao bì kim loại cứng dính CTNH	0,5	Kg/tháng	18 01 02	KS
11	Bóng đèn huỳnh quang thải	2	Kg/năm	16 01 06	NH

STT	Phân loại	Khối lượng/tháng	Đơn vị tính	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
	Tổng lượng phát sinh	72	Kg/năm		

- Các nguy cơ từ chất thải truyền nhiễm và các vật sắc nhọn:

Các vật thể trong thành phần của chất thải rắn y tế có thể chứa đựng một lượng rất lớn bất kỳ tác nhân vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm nào. Các tác nhân gây bệnh này có thể xâm nhập vào cơ thể người thông qua: da (qua một vết thủng, trầy xước hoặc vết cắt trên da), các niêm mạc (màng nhầy), đường hô hấp (do xông, hít phải), đường tiêu hóa, v.v...

Tính đề kháng của vi khuẩn đối với các loại thuốc kháng sinh và các hóa chất sát khuẩn cũng có thể góp phần tạo ra những nguy cơ lan truyền bệnh và ô nhiễm môi trường.

Độ tập trung cao của các tác nhân gây bệnh và các vật sắc nhọn bị nhiễm các vi sinh vật gây bệnh (đặc biệt là những mũi kim tiêm qua da) trong các loại chất thải bệnh viện là những mối nguy cơ lớn đối với sức khỏe cộng đồng, không những chúng có khả năng gây nhiễm trùng mà còn lây bệnh.

Các chất khử trùng là những thành phần đặc biệt quan trọng của nhóm này, thường được sử dụng với số lượng lớn và thường là những hợp chất Clo. Đặc biệt một số loại hóa chất trong quá trình sử dụng có thể hình thành các hỗn hợp thứ cấp có độc tính cao.

Nhiều loại thuốc có độc tính gây kích thích cao độ, có thể gây nên những hậu quả hủy hoại cục bộ sau khi tiếp xúc trực tiếp với da hoặc mắt hoặc gây các phản ứng như chóng mặt, buồn nôn, đau đầu hoặc viêm da.

Chất thải là các chất kháng sinh và các loại thuốc chứa các kim loại nặng, phenol từ các lọ thuốc, hoá chất đã sử dụng và các dẫn xuất của các chất khử trùng... nếu thải trực tiếp vào môi trường có thể gây nên các ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh học hoặc gây ảnh hưởng độc hại tới hệ sinh thái tự nhiên khi nhận nước tưới bằng nguồn nước này.

- Ảnh hưởng của chất thải y tế đối với sức khỏe cộng đồng:

Các trường hợp tai nạn riêng lẻ hoặc nhiễm trùng thứ phát có thể xảy ra do kim tiêm, lọ, chai rơi vãi, các thùng chứa rác y tế không an toàn.

Nhiều trường hợp nhiễm độc quy mô lớn do chất thải hóa chất và dược phẩm đã xảy ra do việc vận chuyển hóa chất và dược phẩm không bảo đảm, đã dẫn tới các ca bệnh về đường hô hấp, bệnh dị ứng hoặc ngộ độc và một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, do tiếp xúc với các loại hóa chất dạng chất lỏng bay hơi, dạng phun sương, dạng dung dịch và bệnh phẩm.

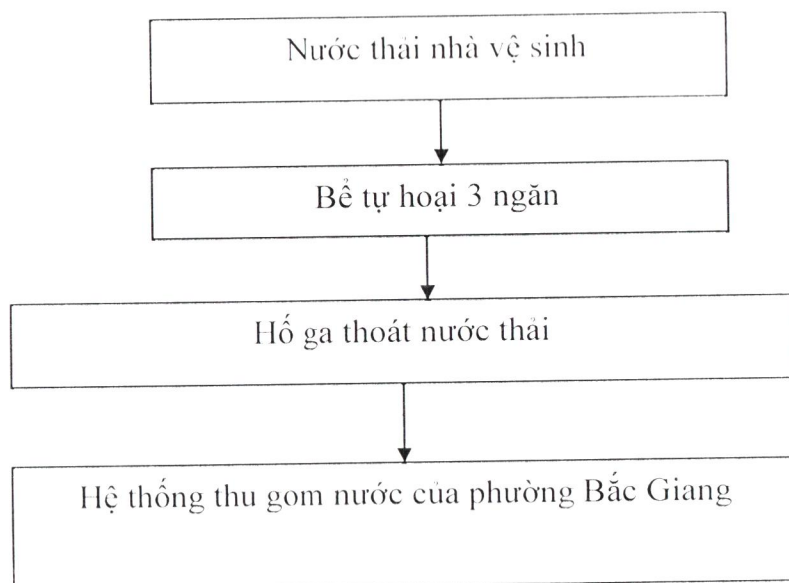
4. PHƯƠNG ÁN THU GOM, QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án giai đoạn vận hành của dự án:

4.1.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải dự kiến phát sinh:

4.1.1.1. Nước thải sinh hoạt:

Sơ đồ thu gom nước thải:



Nước thải phát sinh từ phòng khám được thu gom và xử lý như sau:

Hình 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của dự án

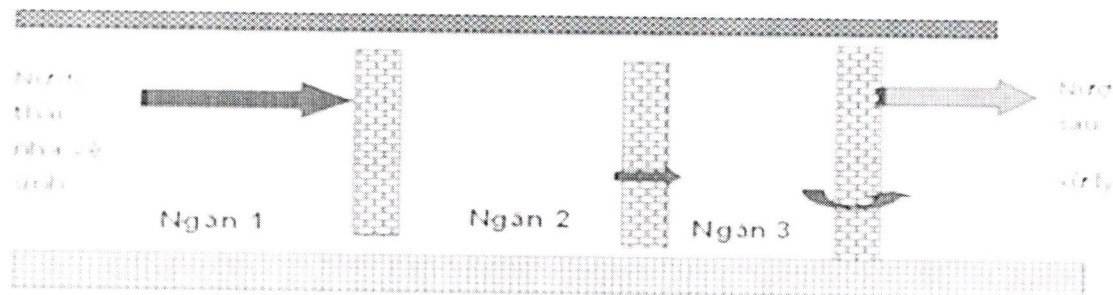
Nước thải được thu gom và đưa về bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn vào hệ thống thu gom thoát nước chung của khu vực.

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ:

Bể tự hoại 3 ngăn:

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt tại dự án ước tính khoảng 3,1 m³/ngày. Chủ dự án sử dụng bể tự hoại có sẵn đã được xây dựng tại dự án.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn:



Hình 2. Sơ đồ nguyên lý hoạt động bể tự hoại

Bể tự hoại đặt ngầm, có dạng hình chữ nhật, được chia làm 3 ngăn: Ngăn 1, 2 lắng và phân hủy sinh học; ngăn 3 chảy tràn. Hoạt động của bể tự hoại thực chất là xử lý nước thải sinh hoạt bằng phương pháp sinh học kỵ khí. Các chất hữu cơ hòa tan bị vi sinh vật phân hủy trong điều kiện kỵ khí, còn các chất hữu cơ không tan sẽ được lắng xuống đáy bể do nước thải được lưu lại tại các ngăn.

Nhằm nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại chủ dự án tiến hành một số biện pháp như sau:

- + Bổ sung chế phẩm vi sinh (EM) vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả phân hủy làm sạch của công trình định kỳ 06 tháng/lần.

- + Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải. Đồng thời, đảm bảo nguyên tắc không gây trở ngại, làm mất vệ sinh cho các hoạt động xây dựng xung quanh, cũng như không gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước thải chung của khu vực. Định kỳ 6 tháng/lần, chủ dự án thuê đơn vị chức năng hút bùn cặn, để tăng khả năng xử lý của bể.

Hiệu quả xử lý của bể tự hoại: Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được xử lý qua hệ thống bể tự hoại. Đây là loại bể hiện nay đang được áp dụng phổ biến cho xử lý nước thải sinh hoạt. Sau khi đi qua các ngăn, nước thải được dần làm sạch. Hiệu quả xử lý của bể phốt nằm trong khoảng 60 – 70% SS, 70-80% BOD, COD.

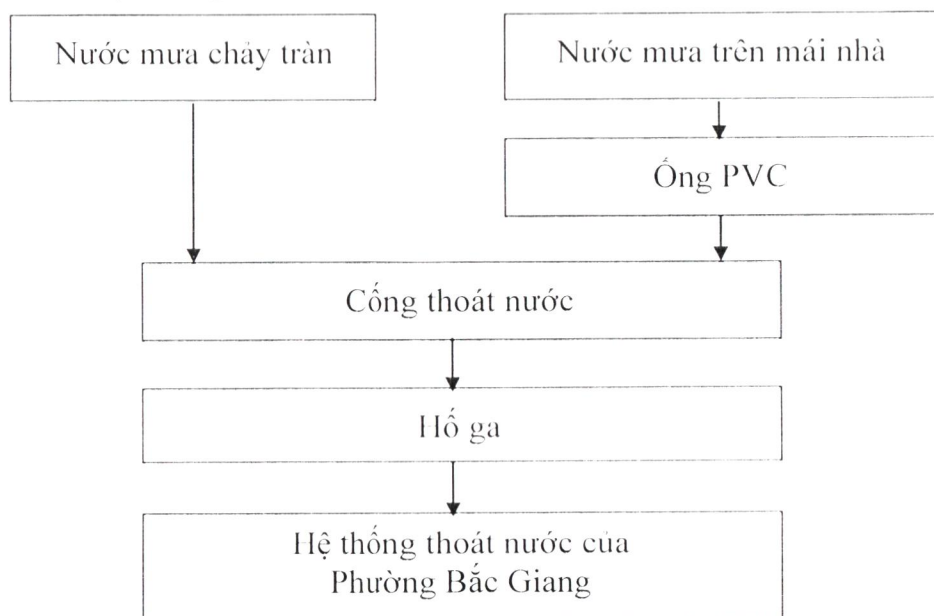
4.1.1.2. Nước thải y tế từ hoạt động rửa dụng cụ, thiết bị y tế, chuẩn đoán và rửa tay chân của CBCNV

Lượng nước thải y tế này khối lượng phát sinh không lớn, chủ dự án thu gom vào Can chứa tạm thời thời dung tích 20lit có nắp đậy theo đúng quy định, sau đó định kỳ 6 tháng thu gom 1 lần theo chất thải nguy hại.

4.1.1.3. Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa thu gom trên mái nhà bằng các đường ống đứng PVC D125 thu vào hố ga và hệ thống rãnh thoát nước mưa của thành phố.

- Sơ đồ hệ thống nước mưa của dự án



Hình 3. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa

4.3.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải dự kiến phát sinh:

** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án:*

- Đường giao thông và mặt bằng sân bãi được trải bê tông để giảm thiểu đất cát bị cuốn bay vào không khí.

- Thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét sân, phun nước để giảm lượng bụi do các phương tiện giao thông vận tải, xe cộ ra vào dự án.

- Các phương tiện khi đi vào đường nội bộ của Dự án đi với tốc độ tối đa 5km/h. Đối với xe của khách ra vào đều có nhân viên hướng dẫn chỗ đỗ và để xe hợp lý.

** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động khám chữa bệnh:*

- Bố trí phòng chụp X-quang đúng quy chuẩn về an toàn bức xạ trong X-quang y tế: TCVN 1651:1999 Tiêu chuẩn an toàn bức xạ ion hoá tại phòng X-quang y tế.

+ Hơi hoá chất, dung môi bay hơi, ... sinh ra từ các khu vực phòng khám, điều trị, phòng thanh trùng, phòng xét nghiệm... : được kiểm soát ở mức cho phép bằng cách trang bị hệ thống thông gió hiệu quả, (quạt trần, quạt cây, máy lạnh, quạt hút).

- Tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sử dụng đúng nhiên liệu nhà sản xuất yêu cầu và không vận hành quá tải các trang thiết bị. Định kỳ kiểm tra, kiểm định hệ thống cấp khí y tế đảm bảo không rò rỉ ra ngoài môi trường.

- Ngoài ra, Phòng khám chú trọng tăng cường công tác vệ sinh, lau, rửa thường xuyên những nơi phát sinh hơi hóa chất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, nhân viên như khẩu trang, găng tay, kính mắt, quần áo BHLĐ...

** Biện pháp giảm thiểu khí thải từ khu vực tập kết rác:*

- Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy bằng composite dung tích 120 lít để lưu chứa rác.

- Khu vực tập kết rác tách biệt các khu vực khác, có mái che.

- Tổ chức thu gom rác thải hàng ngày, không lưu trữ lâu dài tại khu vực Phòng khám và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

4.3.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải y tế thông thường

Chất thải y tế thông thường của Phòng khám được quản lý theo hướng dẫn của thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế:

- Chất thải được phân loại ngay tại các phòng khám
- + Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng khuẩn;
- + Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu trắng.
- + Phân loại chất thải lỏng không nguy hại: chứa trong dụng cụ đựng chất thải lỏng có nắp đậy kín, có tên loại chất thải lưu chứa.
- Chủ dự án thực hiện bố trí kho chứa chất thải y tế thông thường dưới khu vực tầng 1 của dự án.
- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng công ty TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng để thu gom và xử lý chất thải y tế thông thường theo đúng quy định.

4.2.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh

- Chất thải nguy hại từ các phòng được đựng trong túi đựng rác và thùng chõ CTNH chuyên dụng, đảm bảo không rơi rớt CTNH ra ngoài. Thời gian thu gom rác thải từ các tầng cùng với thời gian thu gom rác thải sinh hoạt. Nhân viên vệ sinh mặc đồ bảo hộ và dụng cụ khử khuẩn vệ sinh dọn tuyến đường thu gom. Sau khi vận chuyển vệ sinh bằng dung dịch diệt khuẩn đảm bảo vệ sinh, phòng tránh các tác nhân truyền nhiễm.

Chất thải nguy hại của phòng khám được quản lý theo hướng dẫn của thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế cụ thể như sau:

- Chất thải được phân loại ngay tại các phòng khám :

✓ Phân loại chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: bỏ vào trong thùng hoặc hộp kháng trùng và có màu vàng;

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng;

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng;

+ Chất thải lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín.

✓ Phân loại chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa đối với các chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu đen;

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa.

- Bao bì (túi), dụng cụ (thùng, hộp, can), thiết bị lưu chứa chất thải y tế phải bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, chống rò rỉ và có kích thước phù hợp với lượng chất thải lưu chứa. Trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải có tên loại chất thải lưu chứa và biểu tượng theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 20/2021/TT-BYT.

- Bố trí kho chất thải nguy hại riêng biệt đặt dưới cầu thang tầng 1 của dự án kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, nền chống thấm, cửa kho gắn biển cảnh báo chất thải nguy hại.

- Chủ dự án kí hợp đồng với đơn vị chức năng công ty TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng để thu gom và xử lý chất thải y tế thông thường theo đúng quy định.

3. CAM KẾT THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

+ Cam kết thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ Môi trường được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2022.

+ Cam kết thực hiện các nội dung dự án theo đúng phương án đã được phê duyệt.

+ Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, chất thải) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố về môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

- Chấp hành sự kiểm tra giám sát UBND Phường Bắc Giang và các cơ quan chức năng trong quá trình lắp đặt máy móc và hoạt động.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.


Đề nghị UBND Phường Bắc Giang tiếp nhận đăng ký môi trường của Hộ kinh doanh Nha khoa Hùng Cường BG về dự án “Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm Mặt Nha khoa Hùng Cường”, địa điểm số 460 đường Xương Giang, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT;

CHỦ DỰ ÁN


Trần Văn Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----
Thái Nguyên, ngày 22 tháng 02 năm 2025

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ
SỐ: 2025/HĐXL/AD-NKHCBG

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13, nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24 tháng Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13, nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Căn cứ Bộ luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2020.

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ban hành ngày 10/01/2022.

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT – BYT của Bộ y tế về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế ngày 26 tháng 11 năm 2021 có hiệu lực bắt đầu từ ngày 10/01/2022.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ban hành ngày 10/01/2022.

Căn cứ vào năng lực của Công ty TNHH Dịch Vụ Môi Trường Anh Đăng.

Hôm nay ngày 22/02/2025, tại văn phòng Công ty TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng, chúng tôi gồm:

1 - BÊN A: HỘ KINH DOANH NHA KHOA HÙNG CƯỜNG

- Địa chỉ: 460 Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

- Người đại diện: Ông Trần Văn Cường

- Chức vụ: Chủ cơ sở

2 – BÊN B: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ANH ĐĂNG

- Địa chỉ: Xóm Quyết Tiến 2, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

- Điện thoại: 0208 655 8666

- Mã số thuế: 4601146762

- Người đại diện: ông Nguyễn Văn Điệp Chức vụ: Phó tổng Giám đốc

- Tài khoản số: 112 000 156 344 tại ngân hàng Vietinbank - chi nhánh Lưu Xá.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng công việc





- Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam. Xe bên B vào thu gom vận chuyển cần tuân thủ theo quy định của bên A.

- Bên B cam kết xử lý các loại chất thải đã vận chuyển của bên A theo đúng quy định của Luật môi trường Việt Nam.

- Hoàn thiện đầy đủ biên bản nghiệm thu xử lý (chứng từ 4 liên) cho bên A.

Điều 5: Cam kết chung

1 - Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng này.

2 - Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì phải giải quyết các bên kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, đảm bảo lợi ích cả hai bên.

3 - Trường hợp có vấn đề tranh chấp, không tự giải quyết được thì hai bên sẽ khiếu nại tới Cơ quan có chức năng tỉnh Thái Nguyên để giải quyết theo luật định. Bên sai phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và các chi phí liên quan.

4 - Khi có bất kỳ sự thay đổi nào trong hợp đồng phải được hai bên thống nhất và ký kết bằng phụ lục hợp đồng kèm theo các điều khoản chi tiết. Bất cứ sự tẩy xóa, sửa đổi nào đều không có hiệu lực.

5 - Trong thời gian thực hiện hợp đồng bên A không được phép xuất bất kỳ loại chất thải nào có trong hợp đồng cho một tổ chức hay cá nhân nào khác. Nếu sai, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước.


Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

1 - Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị từ ngày ký đến hết ngày 22/02/2026. Khi hết hạn hợp đồng mà hai bên không có Phụ lục hợp đồng gia hạn thì hợp đồng này tự thanh lý.

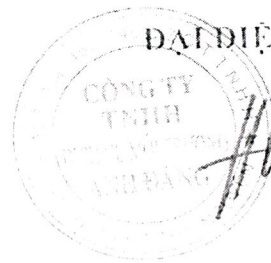
2 - Hợp đồng này gồm 03 trang, 06 điều và chỉ có giá trị đối với hai bên A và B, không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.

3 - Hợp đồng này là cơ sở pháp lý để giải quyết khi có tranh chấp theo đúng luật pháp hiện hành và được lập thành 04 bản Tiếng Việt, có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Trần Văn Bình

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiệp

1- Bên A đồng ý thuê bên B thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải y tế của bên A theo danh mục và đơn giá như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng CT chuyển giao trong năm
1	Chất thải y tế	Rắn, lỏng	13 01 01	< 600kg (Nếu vượt quá khối lượng trên, phần chênh lệch được tính 15.000kg)

Đơn giá trên chưa bao gồm VAT 10%.

2- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có phát sinh thêm chất thải khác thì hai bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận

1 - Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nhà lưu giữ chất thải của bên A (460 Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang).

2 - Địa điểm lưu trữ và xử lý: Tại Nhà máy của bên B (Quyết Tiến 2, Hương Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên).

3 - Tần suất và thời gian giao nhận: Theo sự thông báo của bên A trước 02 ngày

Điều 3: Phí vận chuyển, xử lý và hình thức thanh toán

1-Đơn giá vận chuyển, xử lý và các chứng từ, thủ tục liên quan là **15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn)**. Đơn giá này chưa bao gồm thuế VAT.

2-Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.

3-Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B toàn bộ giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B cung cấp hóa đơn tài chính cho bên A và các chứng từ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên

1 - Trách nhiệm của bên A:

- Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo điều 3 của Hợp đồng.

- Trước khi giao nhận chất thải cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải y tế, nguy hại tại các khoa phòng và phải bỏ vào các thùng chứa rác đã được tiêu chuẩn hoá do Bên B cung cấp theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải.

- Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải y tế trong phạm vi của Bên A

2 - Trách nhiệm của bên B

- Bên B có trách nhiệm bốc xếp chất thải vào phương tiện vận chuyển của mình tại kho của bên A.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

BẢN SAO

Mã số hộ kinh doanh: 024084009316

Đăng ký lần đầu, ngày 23 tháng 09 năm 2025

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt: HỘ KINH DOANH NHA KHOA HÙNG CƯỜNG BG

2. Trụ sở của hộ kinh doanh: Số 460 đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0988004888

Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620 (Chính)
2	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 300.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Ba trăm triệu đồng

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: TRẦN VĂN CƯỜNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/05/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 024084009316

Nơi thường trú: TDP số 3, Xã Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Nơi ở hiện tại: Số 460 đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

CHỨNG CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 29-10-2025
9055 01
Số CT:.....Q.Số.....-SCT/BS

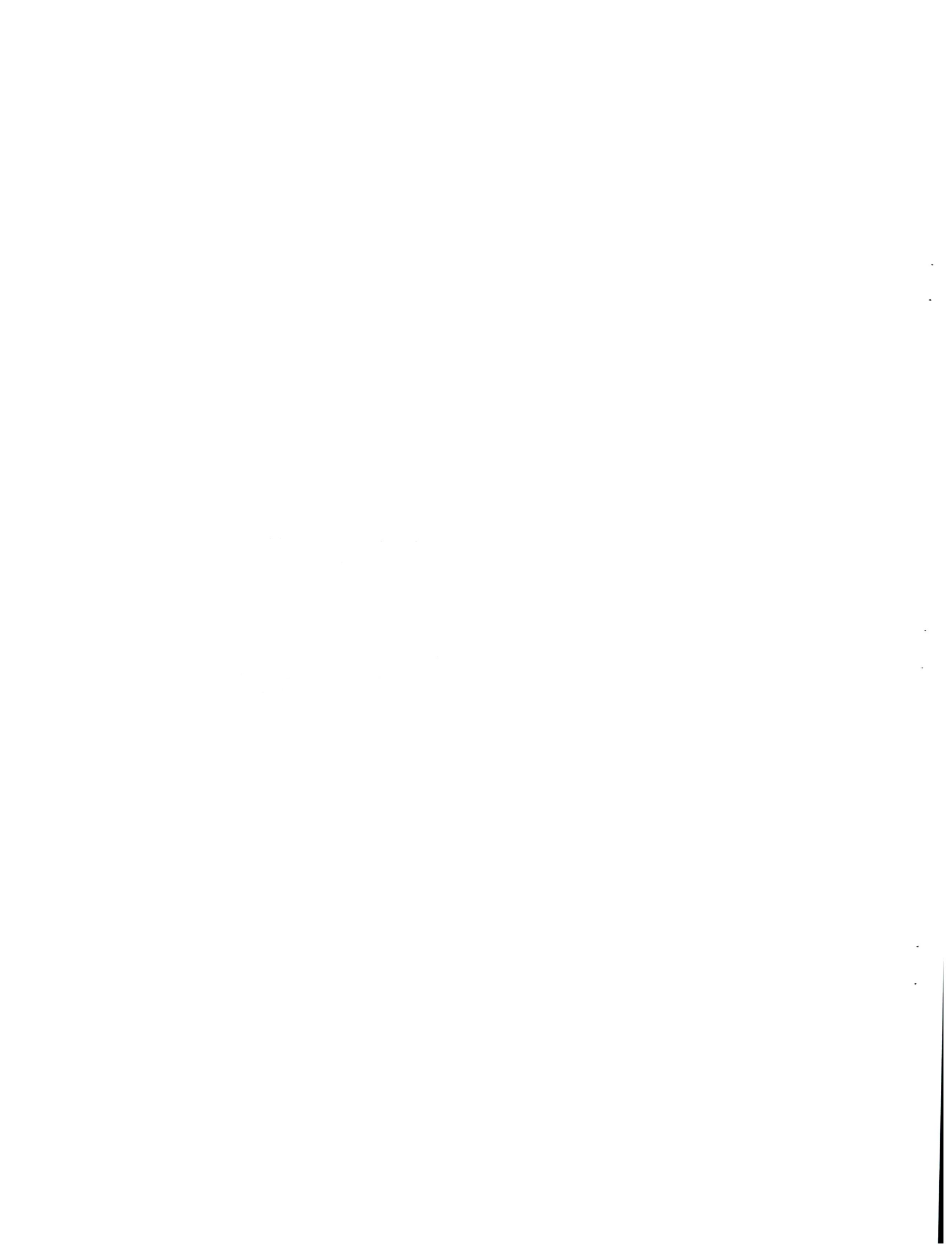
TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Văn Liệu



CÔNG CHỨNG VIÊN
TRẦN HỒ NGUYỄN



BẢN SAO

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0392/BG-GPHĐ

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân,

CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG – HÀM – MẶT NHA KHOA HÙNG CƯỜNG.**

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **TRẦN VĂN CƯỜNG.**

Số chứng chỉ hành nghề: 000292; Cấp ngày: 06/12/2017; Nơi cấp: Sở Y tế Bắc Giang.

Hình thức tổ chức: **PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA.**

Địa điểm: Số nhà 460, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt.

Danh mục kỹ thuật: Theo danh mục kỹ thuật chuyên môn được Sở Y tế phê duyệt.

Thời gian làm việc hằng ngày: Từ 7 giờ đến 19 giờ./.

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 29-10-2025
Số CT: 905201 SCT/BS



Từ Quốc Hiệu



CÔNG CHỨNG VIÊN
TRẦN HỒ NGUYỄN

